TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 8 - 2020
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chọn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên
2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2020; Quyết định mở phiên tòa số: 53/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thúy H**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp X R, xã H. Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Lâm Thanh P**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp X R, xã H. Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Chị H có mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thúy H trình bày yêu cầu như sau:

Chị Nguyễn Thúy H và anh Lâm Thanh P cưới nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện anh chị không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới vợ

chồng sống hạnh phúc được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cự cải bất hòa hôn nhân không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân 02 năm cho đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh P, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lâm Văn V, sinh ngày 16/01/1998 và Lâm Thúy N, sinh ngày 25/3/2002, hiện các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Lâm Thanh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ từ khi thụ lý vụ án đến hòa giải (02 lần), nhưng anh P không hợp tác, cũng không trình bày ý kiến yêu cầu của mình gửi đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tòa án đã tiến hành làm các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Đơn khởi kiện xin ly hôn; giấy chứng minh nhân dân (photo công chứng); giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản chính; sổ hộ khẩu gia đình (photo công chứng); bản sao giấy khai sinh Lâm Văn V và Lâm Thúy N; đơn xác nhận tình trạng cư trú của đương sự; biên bản ghi lời khai của đương sự; biên bản xác minh.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo biên bản xác minh ngày 28/6/2020 làm việc với đại diện Ban lãnh đạo ấp Xẻo Rô cho thấy, chị H và anh P chung sống với nhau từ năm 1997, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị thường xuyên cự cãi bất hòa về quan điểm sống. Trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Lâm Văn V và Lâm Thúy N, hiện các cháu đã trưởng thành và phát triển bình thường.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị H giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên. Anh P vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo

quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn vắng mặt nhiều lần không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị nguyễn Thúy H đối với anh Lâm Thanh P là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; về con chung hiện đã trưởng thành nên không đề cập xem xét, về tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật: Chị H xin ly hôn với anh P nên quan hệ pháp luật được xác định là "Xin ly hôn".

Tại phiên tòa anh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh Phong.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân, chị H và anh P cưới nhau vào từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H. Y, theo giấy Chứng nhận kết hôn số 38/2006 ngày 16/5/2006 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H xin được ly hôn với anh P, do anh chị thường xuyên cự cãi bất hòa về quan điểm sống, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã ly thân từ tháng 05/2018 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh P.

Mặt khác, qua xác minh ngày 28/6/2020 ý kiến của đại diện Ban lãnh đạo ấp đã xác định, trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thường xuyên cự cải, bất hòa đời sống hôn nhân không hạnh phúc (Bút lục 44).

Còn anh P thì trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và thông báo hòa giải hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, trở về đoàn tụ cùng lo cho con nhưng anh P không hợp tác

và cũng không trình bày ý kiến gì gửi đến Tòa án đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H;

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị Hằng và anh Phong đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về con chung: Anh chị có 02 người con chung hiện đều đã trưởng thành và phát triển bình thường, anh chị không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do chị H là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thúy H và anh Lâm Thanh P.

2. Về con chung: Anh chị 02 người con chung tên Lâm Văn V, sinh ngày 16/01/1998 và Lâm Thúy N, sinh ngày 25/3/200, hiện đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị H khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thúy H có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0008469 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A B, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện A B;
- VKSND huyện A B;
- Các đương sự;
- UBND xã H. Y;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Chọn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**